

Bản án số: 40/2022/DS-ST
Ngày: 19/5/2022
V/v tranh chấp “*hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2021/TLST- DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 66/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện L.V; địa chỉ: tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210, T.Q. K, phường T.T, Quận H, Thành phố H.N. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Doãn S, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Đức M; Giám đốc NHTM CP Bưu Điện L.V – Chi nhánh A; địa chỉ 1100, T.H.Đ, phường M.B, thành phố L.X, A.G(theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-CTHĐQT ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc.

Đại diện hợp pháp tham gia tố tụng: ông Huỳnh Anh D, chuyên viên Quan hệ khách hàng – Phòng giao dịch huyện P.T (theo Văn bản ủy quyền số 3412/2021/UQ-lienVietPostBank ngày 07/12/2021 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện L.V – Chi nhánh A.G; địa chỉ: số 216, T. Đ.T, thị trấn P, huyện P.T, tỉnh A.G.

Bị đơn:

- Bà Phạm Thị T.A, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T, xã M.H, huyện C, tỉnh A.G, (vắng mặt).

- Ông Trần Minh T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp T, xã M.H, huyện C, tỉnh A.G, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hội Liên hiệp phụ nữ xã M.H, huyện C (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L.V do ông Huỳnh Anh D đại diện trình bày: vào ngày 24/10/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện L.V – Phòng giao dịch P.T (sau đây được gọi tắt là Ngân hàng) và bà Phạm Thị T.A, ông Trần Minh T ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD9122019385, theo đó Ngân hàng cho bà An, ông Tuấn vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu), hình thức đảm bảo tiền vay: cho vay tín chấp. thời hạn 24 tháng từ ngày 24/10/2019 đến ngày 22/10/2021; lãi suất cho vay 14%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; phương thức trả nợ: gốc và lãi hàng tháng theo phân kỳ trả nợ. Trả nợ gốc: phân làm 24 kỳ trả nợ, trong đó có 23 kỳ đầu trả số tiền gốc 2.084.000 đồng cố định vào ngày 25 hàng tháng (bắt đầu từ tháng 11/2019) và kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày đến hạn.

Sau khi bà Phạm Thị T.A, ông Trần Minh T thực hiện theo hợp đồng đã trả được tiền gốc và lãi đến kỳ tháng 6/2021 với tổng số tiền đã trả là 48.732.065 đồng (trong đó gốc 41.680.017 đồng, lãi 7.052.048 đồng). Còn lại 04 kỳ trả nợ kể từ kỳ tháng 7/2021 đến kỳ tháng 10/2021 thì bà A, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bà A, ông T trả nợ. Do phía bà A, ông T đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị T.A, ông Trần Minh T phải trả số tiền nợ gốc còn lại 8.319.938 đồng và lãi 694.972 đồng tính đến ngày 13/12/2021 và phải tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng tính từ ngày 14/12/2021 đến khi tất toán nợ theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phía bị đơn đều vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình. Yêu cầu bà Phạm Thị T.A, ông Trần Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ vốn 8.319.938 đồng, lãi tính đến ngày 18/5/2022 là 1.194.499 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 19/5/2022 cho đến khi thanh toán nợ xong.

Bị đơn ông T, bà A vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến; không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 24/10/2019, giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện LV - Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch huyện P.T (Ngân hàng) và bà Phạm Thị T.A, ông Trần Minh T đã ký kết hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ vay 50.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm, lãi suất quán hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, thời hạn vay 24 tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà A đã trả được 48.732.065 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 41.680.017 đồng, tiền lãi 7.052.048 đồng) thì không tiếp tục thực hiện. Nay, Ngân hàng yêu cầu bà A và ông T trả nợ vốn 8.319.938 đồng, lãi tính đến ngày 18/5/2022 là 1.194.499 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 19/5/2022 cho đến khi thanh toán nợ xong.

Phía bà A, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng ngày 24/10/2019, với tổng số tiền đã giải ngân xong 50.000.000 đồng, giữa Ngân hàng với bà A, ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Do bà A, ông T vi phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ vốn 8.319.938 đồng, lãi tính đến ngày 18/5/2022 là 1.194.499 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 19/5/2022 cho đến khi thanh toán nợ xong là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Bưu điện L.V

- Buộc bà Phạm Thị T.A và ông Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Bưu điện L.V gồm vốn 8.319.938 đồng, lãi tính đến ngày 18/5/2022 là 1.429.298 đồng và trả lãi tiếp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện L.V khởi kiện yêu cầu ông T, bà A có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, lãi theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Ngân hàng với ông T, bà A là tranh chấp “*hợp đồng tín dụng*”.

[2] Về thẩm quyền:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà A trả nợ vay; bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M.H, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do; Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung:

[4.1] Căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng:

Căn cứ hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD9122019385 được các bên xác lập, theo đó, Ngân hàng cho ông T, bà A vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu), hình thức đảm bảo tiền vay: vay tín chấp. thời hạn 24 tháng từ ngày 24/10/2019 đến ngày 22/10/2021 sẽ trả dứt nợ; với mức lãi suất 14%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; phương thức trả nợ: gốc và lãi hàng tháng theo phân kỳ trả nợ. Trả nợ gốc: phân làm 24 kỳ trả nợ, trong đó có 23 kỳ đầu trả số tiền gốc 2.084.000 đồng, trả cố định vào ngày 25 hàng tháng (bắt đầu từ tháng 11/2019) và kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày đến hạn.

Sau khi thực hiện hợp đồng, bà A, ông T đã trả được tiền gốc và lãi đến kỳ tháng 6/2021 với tổng số tiền đã trả là 48.732.065 đồng (trong đó gốc 41.680.017 đồng, lãi 7.052.048 đồng). Còn lại 04 kỳ trả nợ kể từ kỳ tháng 7/2021 đến kỳ tháng 10/2021 thì bà A, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc yêu cầu nhưng bà A, ông T không thực hiện. Do bà A, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà A, ông T phải trả số tiền nợ gốc còn lại 8.319.938 đồng và lãi tính đến ngày 18/5/2022 là

1.429.298 đồng và tiếp tục trả lãi theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 19/5/2022 đến khi trả dứt nợ.

[4.2] Đánh giá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD9122019385 ngày 24/10/2019, bà An, ông T ký với Ngân hàng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; nội dung và hình thức không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Sau khi thực hiện hợp đồng, bà A, ông T đã không thực hiện theo cam kết, khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà A, ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bà A, ông T đã vi phạm quy định của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ, Vi phạm nội dung hợp đồng số HĐTD9122019385, vi phạm Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Trần Minh T, bà Phạm Thị T.A phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên và lãi suất phát sinh từ ngày 19/5/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, cần chấp nhận.

[5] Với những tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L buộc ông Trần Minh T, bà Phạm Thị T.A có nghĩa vụ trả vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 18/5/2022 với tổng số tiền 9.749.281 đồng và có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 19/5/2022 đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: *Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009900 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bị đơn ông Trần Minh T, bà Phạm Thị T.A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 14 , khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng

Dân sự năm 2015;

Các Điều 90; 91; 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Các Điều 323, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L.V

Buộc ông Trần Minh T, bà Phạm Thị T.A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L.V số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/5/2022 gồm nợ gốc 8.319.938 đồng và lãi là 1.429.298 đồng. Tổng cộng, ông Trần Minh T, bà Phạm Thị T.A phải có nghĩa vụ trả số tiền 9.749.236 đồng (*chín triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng*) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện L.V

Kể từ ngày 19/5/2022 trở đi, ông Trần Minh T, bà Phạm Thị T.A còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận đã ký kết giữa Ngân hàng với ông Trần Minh Tuấn, bà Phạm Thị T.A tại hợp đồng vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số HĐTD9122019385 cho đến khi ông T, bà A trả dứt nợ.

2. Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu số 0009900 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Trần Minh T, bà Phạm Thị T.A phải chịu 487.000 đồng (bốn trăm tám mươi bảy nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong